**CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN TRUNG**

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

Tháng 3 năm 2016

**MỤC LỤC**

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **TRANG** |
|  |  |
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 1 - 2 |
|  |  |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 3 - 4 |
|  |  |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT | 5 - 6 |
|  |  |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT | 7 |
|  |  |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT | 8 |
|  |  |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT | 9 - 41 |
|  |  |

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung (gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con sau đây gọi chung là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hội đồng Quản trị** | |
| Ông Hồ Huy | Chủ tịch |
| Ông Võ Thành Nhân | Phó Chủ tịch |
| Ông Hồ Việt | Ủy viên |
| Ông Hồ Chương | Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015) |
| Ông Mai Hà Thanh Hùng | Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015) |
| Ông Mai Hoàng Sơn | Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015) |
| Ông Lê Nguyễn Anh Tuấn | Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015) |
| Ông Trương Tài | Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015) |
| Ông Trần Quốc Duy | Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015) |
|  |  |
| **Ban Kiểm soát** |  |
| Bà Trần Thị Bích Thủy | Trưởng ban |
| Ông Huỳnh Kim Ngọc | Thành viên |
| Bà Vũ Thị Thanh Mai | Thành viên (Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015) |
| Ông Tiêu Văn Hòa | Thành viên (Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015) |
| Ông Vũ Thanh Hải | Thành viên (Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015) |
| Ông Mai Quý Trung | Thành viên (Miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015) |
|  |  |
| **Ban Tổng Giám đốc** |  |
| Ông Võ Thành Nhân | Tổng Giám đốc |
| Ông Hồ Văn Mỹ | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Trương Tài | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Hồ Văn Dũng | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Trần Quốc Duy | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Đoàn Triệu Chu Luân | Kế toán trưởng |

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong năm phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

* Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
* Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
* Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
* Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
* Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  |  |
| Võ Thành Nhân **Tổng Giám đốc**  *Ngày 30 tháng 3 năm 2016* |  |  |

## *Số: /VN1A-HC-BC*

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Kính gửi: **Các Cổ đông**

**Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**

**Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung (gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con sau đây gọi chung là “Tổng Công ty”) được lập ngày 30 tháng 3 năm 2016 từ trang 5 đến trang 41, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

***Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ***

Như trình bày tại Thuyết minh số 17 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác của Tổng Công ty bao gồm khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung bộ và Tây Nguyên (“MSH”), khoản đầu tư này được hạch toán theo phương pháp giá gốc với giá trị khoản đầu tư và dự phòng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 lần lượt là 43.553.937.000 đồng và 18.715.318.824 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: lần lượt là 57.700.000.000 đồng và 14.427.306.283 đồng). Hàng năm Tổng Công ty tính và lập dự phòng cho khoản đầu tư này dựa theo giá trị tài sản thuần của MSH. Tuy nhiên, giá trị tài sản thuần của MSH chưa bao gồm khoản ước tính dự phòng giảm giá của khoản đầu tư với tổng giá trị là 82.500.000.000 đồng mà MSH đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phú Mỹ (“BOT Phú Mỹ”). Việc không ghi nhận khoản chi phí dự phòng ước tính cho khoản đầu tư tại BOT Phú Mỹ nói ở trên vào giá trị tài sản thuần của MSH xuất phát từ quyết định của Ban Tổng Giám đốc ở niên độ trước và đã dẫn đến việc chúng tôi phải đưa ra ý kiến ngoại trừ đối với báo cáo tài chính hợp nhất của niên độ đó. Tại thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ thông tin tài chính liên quan đến khoản dự phòng (nếu có) đối với khoản đầu tư này tại ngày 31 tháng 12 năm 2015. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

***Ý kiến kiểm toán ngoại trừ***

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng, nếu có, của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  |  |
| **Võ Thái Hòa**  **Phó Tổng Giám đốc**  Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  số 0138-2013-001-1  ***Thay mặt và đại diện cho***  **Công ty TNHH Deloitte Việt Nam**  *Ngày 30 tháng 3 năm 2016*  *Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam* |  | **Nguyễn Minh Thao**  **Kiểm toán viên**  Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 1902-2013-001-1 |

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015*

**MẪU SỐ B 01-DN/HN**

Đơn vị: VND

****

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015*

**MẪU SỐ B 01-DN/HN**

Đơn vị: VND



|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Dương Trung Tình**  **Người lập biểu** |  | **Đoàn Triệu Chu Luân**  **Kế toán trưởng** |  | **Võ Thành Nhân**  **Tổng Giám đốc**  *Ngày 30 tháng 3 năm 2016* |

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015*

**MẪU SỐ B 02-DN/HN**

Đơn vị: VND



|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Dương Trung Tình**  **Người lập biểu** |  | **Đoàn Triệu Chu Luân**  **Kế toán trưởng** |  | **Võ Thành Nhân**  **Tổng Giám đốc**  *Ngày 30 tháng 3 năm 2016* |

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015*

**MẪU SỐ B 03-DN/HN**

Đơn vị: VND



|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Dương Trung Tình**  **Người lập biểu** |  | **Đoàn Triệu Chu Luân**  **Kế toán trưởng** |  | **Võ Thành Nhân**  **Tổng Giám đốc**  *Ngày 30 tháng 3 năm 2016* |

1. **THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

Tổng Công ty bao gồm Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung (gọi tắt là “Công ty mẹ”) và mười một công ty con cụ thể được trình bày như sau:

**Công ty mẹ**

Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung (gọi tắt là “Công ty mẹ”), tên giao dịch quốc tế là Mai Linh Central Joint Stock Company, viết tắt là “MLC”, tiền thân là Công ty Cổ phần Mai Linh Đà Nẵng được thành lập ngày 30 tháng 10 năm 2000, theo theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 3203000009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp. Ngày 16 tháng 4 năm 2012, Công ty mẹ đổi tên thành Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi số 0400382219 với lần thay đổi gần nhất là lần thứ 13 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 13 tháng 11 năm 2015.

Công ty mẹ đang niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (“HNX”) theo Quyết định số 694/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành ngày 29 tháng 9 năm 2010. Mã chứng khoán của Công ty mẹ là “MNC”, bắt đầu giao dịch từ ngày 16 tháng 12 năm 2010.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 92.792.610.000 đồng và Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh (viết tắt là “MLG”) là cổ đông chính của Công ty.

Chủ sở hữu của Công ty mẹ và là công ty mẹ của cả tập đoàn là Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh (“MLG”).

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 1.112 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 995).

**Các sự kiện quan trọng đã xảy ra trong năm tài chính**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty mẹ nhận chuyển nhượng vốn tại Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Yên, Công ty TNHH MTV Mai Linh Kon Tum và Công ty TNHH MTV Mai Linh Gia Lai theo Nghị quyết số 14/2014/NQ-HĐQT ngày 08 tháng 10 năm 2014 của Hội Đồng Quản trị với giá chuyển nhượng là 14.000.000.000 đồng.

* Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Yên được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 4400392415 cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên tại ngày 09 tháng 01 năm 2007 với vốn điều lệ là 3.600.000.000 đồng.
* Công ty TNHH MTV Mai Linh Kon Tum được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 6100247925 cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum tại ngày 19 tháng 11 năm 2007 với vốn điều lệ là 1.800.000.000 đồng.
* Công ty TNHH MTV Mai Linh Gia Lai được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 5900338217 cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai tại ngày 01 tháng 8 năm 2005 với vốn điều lệ là 6.800.000.000 đồng.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Công ty nắm giữ 100% vốn sở hữu của Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Yên, Công ty TNHH MTV Mai Linh Kon Tum và Công ty TNHH MTV Mai Linh Gia Lai.

Ngày 02 tháng 11 năm 2015, theo Nghị quyết số 42/BB-HĐQT của Hội đồng Quản trị của Công ty mẹ, Công ty TNHH MTV Mai Linh Huế (Công ty con) đã nhận chuyển nhượng toàn bộ 100% vốn điều lệ của các thành viên góp vốn tại Công ty TNHH Thành Đô Huế. Vốn điều lệ của Công ty TNHH Thành Đô Huế là 6.210.000.000 đồng, giá mua là 6.000.000.000 đồng thông qua hình thức chuyển nhượng vốn góp.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày bảng cân đối kế toán hợp nhất, Công ty mẹ có các chi nhánh và công ty con:

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên chi nhánh** | **Địa chỉ** |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Mai Linh  Miền Trung | 197 Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh |
| Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung - Chi nhánh Du Lịch | 92 Đường 2/9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tên công ty con** | **Nơi thành lập và hoạt động** | **Hoạt động chính** |
|  |  |  |
| Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình | Đường Quang Trung, TK Diêm Hải, Phường Phú Hải, Thành Phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình | Dịch vụ taxi |
| Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Trị | Số 169 Lý Thường Kiệt, Phường Đông Lễ, Thị Xã Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị | Dịch vụ taxi |
| Công ty TNHH MTV Mai Linh Huế | 177 Phan Đình Phùng, Phường Phú Nhuận, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế | Dịch vụ taxi |
| Công ty TNHH MTV Mai Linh Hội An | Số 206 Lý Thường Kiệt, Phường Sơn Phong, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam | Dịch vụ taxi |
| Công ty TNHH MTV Mai Linh Tam Kỳ | Lô A42 Phan Bội Châu, Phường Tân Thạnh, Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam | Dịch vụ taxi |
| Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Ngãi | Số 28 - Hà Huy Tập, Phường Nghĩa Chánh, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi | Dịch vụ taxi |
| Công ty TNHH MTV Mai Linh Bình Định | Số 33A, Tây Sơn, Phường Quang Trung, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định | Dịch vụ taxi |
| Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Yên | Số 232, Đại lộ Hùng Vương, Phường 9, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên | Dịch vụ taxi |
| Công ty TNHH MTV Mai Linh Gia Lai | Số 97D, Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai | Dịch vụ taxi |
| Công ty TNHH MTV Mai Linh Kon Tum | Số 147, Phan Đình Phùng, Phường Quang Trung, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum | Dịch vụ taxi |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tên công ty con gián tiếp** | **Nơi thành lập và hoạt động** | **Hoạt động chính** |
|  |  |  |
| Công ty TNHH Thành Đô Huế | Nam Vĩ Dạ, Phường Vĩ Dạ, Thành phố Huế | Dịch vụ taxi |

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi, Công ty mẹ đã đăng ký các hoạt động sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực sau:

* Vận tải hành khách bằng taxi;
* Vận tải khách theo hợp đồng và vận tải khách theo tuyến cố định bằng xe chất lượng cao Express;
* Du lịch lữ hành nội địa và quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch;
* Dịch vụ quảng cáo;
* Đại lý vé máy bay trong nước và quốc tế;
* Đại lý vé tàu hỏa, tàu cánh ngầm, taxi nước;
* Đại lý bán ôtô, phụ tùng ôtô và các phương tiện vận tải khác;
* Dạy nghề ngắn hạn;
* Cho thuê xe có động cơ;
* Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
* Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
* Tư vấn quản lý chất lượng theo các tiêu chuẩn quốc tế; và
* Sửa chữa đóng mới phương tiện vận tải đường thủy, đường bộ.

**Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 202”), hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Tuy nhiên, việc áp dụng các thông tư này không có ảnh hưởng trọng yếu đến tính so sánh của các số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất.

1. **CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

1. **ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Các thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

1. **TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

# Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

**Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ hoạt động phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

**Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty mẹ trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản dài hạn khác trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

**Bất lợi thế thương mại**

Bất lợi thương mại là phần phụ trội lợi ích của Công ty mẹ trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Bất lợi kinh doanh được hạch toán ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm phát sinh.

**Công cụ tài chính**

***Ghi nhận ban đầu***

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu về cho vay dài hạn, phải thu khác và đầu tư dài hạn khác.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác và các khoản chi phí phải trả.

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua các công cụ, dụng cụ, phụ tùng thay thế và các chi phí liên quan, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  |  |  | Số năm |
| Nhà xưởng và vật kiến trúc |  |  | 10 - 20 |
| Máy móc và thiết bị |  |  | 3 - 10 |
| Thiết bị văn phòng |  |  | 3 - 7 |
| Phương tiện vận tải |  |  | 6 - 10 |
| Tài sản cố định khác |  |  | 6 - 20 |

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

*Công ty là bên cho thuê:* Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

*Công ty là bên đi thuê:* Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất không có thời hạn nên không tiến hành trích khấu hao theo quy định hiện hành.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng, mua sắm phục vụ mục đích hoạt động, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm giá mua, chi phí lắp đặt, xây dựng, thiết bị, phí dịch vụ và chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản đầu tư tài chính**

***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Các khoản đầu tư dài hạn khác***

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản đầu tư vào các công ty khác mà Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát, hoặc không có ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư dài hạn được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua các khoản đầu tư dài hạn. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư dài hạn khác được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư dài hạn. Lợi nhuận thuần được chia từ các khoản đầu tư này phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm hoặc tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Các khoản trả trước dài hạn gồm giá trị công cụ, dụng cụ và các khoản chi phí được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí trả trước này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu từ dịch vụ taxi và các dịch vụ liên quan được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
2. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Chi phí đi vay**

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

**Ngoại tệ**

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) - *“Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”*. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ**

Tổng Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ theo điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần và theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên.

1. **TIỀN**



1. **PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**



1. **PHẢI THU KHÁC**

****

(\*) Các khoản phải thu dài hạn khác chủ yếu là các khoản bán xe ô tô trả góp tại Công ty TNHH MTV Mai Linh Gia Lai (công ty con) với thời hạn từ bốn đến năm năm, lãi suất 15% năm (năm 2014: không phát sinh).

1. **NỢ XẤU**

Dưới đây là dự phòng phải thu khó đòi do Tổng Công ty ghi nhận và sự thay đổi của khoản mục này trong năm và các kỳ hoạt động trước:



Trong đó:



1. **HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho bao gồm công cụ, dụng cụ và phụ tùng thay thế các loại dùng cho việc sửa chữa và bảo dưỡng xe ô tô.

1. **CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

****

1. **THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

****

1. **PHẢI THU VỀ CHO VAY DÀI HẠN**

****

(\*) Đây là khoản phải thu do Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình (Công ty con) cho DNTN Tân Bình (công ty liên quan của Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình) vay với số tiền là 3.000.000.000 đồng theo hợp đồng cho vay số 01/2015/HĐCV ngày 18 tháng 6 năm 2015 với thời hạn 37 tháng, khoản vay không có thế chấp với lãi suất là 1,23%/tháng.

1. **TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

****

(\*) Khoản tăng khác trong năm thể hiện giá trị tài sản cố định của Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Yên, Công ty TNHH MTV Mai Linh Kon Tum và Công ty TNHH MTV Mai Linh Gia Lai tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 mà Tổng Công ty nhận về khi lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Như trình bày tại Thuyết minh số 24 và 25, Tổng Công ty đã thế chấp phương tiện vận tải với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 469.511.693.365 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 391.493.795.721 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, nguyên giá của các tài sản cố định là phương tiện vận tải đã cam kết bán cho các bên cá nhân hợp tác kinh doanh khi hợp đồng hợp tác kinh doanh đáo hạn là 74.940.971.201 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 34.757.027.662 đồng).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 3.137.073.489 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 804.686.897 đồng).

1. **TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 thể hiện giá trị quyền sử dụng đất lâu dài (không trích khấu hao theo quy định hiện hành) của năm (05) (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: sáu (06)) lô đất khác nhau tại Thành phố Đà Nẵng, Tỉnh Quảng Bình, và Thành phố Tam Kỳ.

Như trình bày tại Thuyết minh số 24, Tổng Công ty đã thế chấp các quyền sử dụng đất của mình để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

1. **CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là chi phí đầu tư mua sắm xe ô tô tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 nhưng chưa sẵn sàng sử dụng.

1. **ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC**



Thông tin chi tiết về khoản đầu tư vào đơn vị khác như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên công ty được đầu tư** | **Nơi thành lập và hoạt động** | **Tỷ lệ phần**  **sở hữu**  **(%)** | **Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ**  **(%)** | **Hoạt động chính** |
|  |  |  |  |  |
| MSH | Khánh Hòa | 15,23 | 15,23 | Dịch vụ taxi |
| Công ty Cổ phần Việt Đăng Khoa | Đà Nẵng | 10 | 10 | Dịch vụ taxi |

1. **DỰ PHÒNG ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn thể hiện khoản dự phòng cho khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên với thông tin chi tiết như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khoản đầu tư tài chính dài hạn** | **Tỷ lệ phần**  **sở hữu tại 31/12/2015**  **%** | **Vốn CSH theo BCTC**  **VND** | **Vốn thực góp tại 31/12/2015**  **VND** | **Dự phòng  tại 31/12/2015**  **VND** |
|  |  |  |  |  |
| MSH | 15,23 | 145.139.969.823 | 43.553.937.000 | (18.715.318.824) |

Khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung bộ và Tây Nguyên (“MSH”) được hạch toán theo phương pháp giá gốc, hàng năm Tổng Công ty tính và lập dự phòng cho khoản đầu tư này dựa theo giá trị tài sản thuần của MSH. Tuy nhiên, giá trị tài sản thuần của MSH chưa bao gồm khoản ước tính dự phòng giảm giá của khoản đầu tư với tổng giá trị là 82.500.000.000 đồng mà MSH đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phú Mỹ (“BOT Phú Mỹ”) do Ban Tổng Giám đốc không thể thu thập được đầy đủ thông tin tài chính liên quan đến khoản đầu tư này tại ngày lập báo cáo tài chính.

1. **TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI**

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Tổng Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm nay và năm trước:

****

1. **LỢI THẾ THƯƠNG MẠI**

****

1. **PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

****

1. **THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

****

1. **CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

****

1. **CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC**

****

(\*) Phải trả tiền đặt cọc bán xe hợp tác kinh doanh thể hiện khoản nhận tiền ký quỹ không có lãi suất cho các hợp đồng hợp tác kinh doanh xe taxi của các chủ đầu tư.

(\*\*) Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn thể hiện khoản nhận ký quỹ, ký cược không có lãi suất của nhân viên lái xe đối với Công ty khi ký hợp đồng lao động, các khoản ký quỹ này được áp dụng theo quy định của Công ty đối với từng loại xe và được hoàn trả khi nghỉ việc; và các khoản ký quỹ mở thẻ “Mailinh Customer Club” (“MCC”) của khách hàng.

1. **VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

****

Vay ngắn hạn từ các ngân hàng thương mại cho mục đích bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh. Tổng Công ty đã sử dụng quyền sử dụng đất và phương tiện vận tải để thế chấp cho các khoản vay này (xem các Thuyết minh 13 và 14). Các khoản vay này chịu lãi suất trong khoảng từ 7%/năm đến 12,5%/năm (năm 2014: từ 8,5%/năm đến 10,5%/năm) và có thời hạn vay từ 3 tháng đến 6 tháng được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ.

Vay ngắn hạn cá nhân thể hiện những khoản vay tín chấp có thời hạn từ 3 tháng đến 12 tháng với lãi suất từ 0,87%/tháng đến 1%/tháng.

1. **VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

****

Vay dài hạn từ các ngân hàng thương mại thể hiện các khoản vay bằng Đồng Việt Nam cho mục đích thanh toán các khoản đầu tư mua mới xe ôtô cho dịch vụ kinh doanh taxi. Các khoản vay này được đảm bảo bằng các phương tiện vận tải của Tổng Công ty hình thành từ vốn vay (xem thêm Thuyết minh 13 và 25) và có thời hạn vay từ 48 tháng cho tới 96 tháng với lãi suất trong khoảng từ 9%/năm đến 12.5%/năm (2014: 9,3%/năm đến 12%/năm).

Vay dài hạn cán bộ công nhân viên là các khoản vay thông qua hình thức đầu tư hợp tác kinh doanh với thời hạn cho vay từ 36 tháng đến 60 tháng với lãi suất mỗi tháng từ 0,83% đến 1,45%.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

****

1. **VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

****

(\*) Điều chỉnh số liệu đầu kỳ theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty TNHH MTV Mai Linh Tam Kỳ, Công ty TNHH MTV Mai Linh Hội An và Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Yên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 18 tháng 4 năm 2015, Hội đồng Quản trị Công ty mẹ công bố trích quỹ khen thưởng phúc lợi với số tiền là 800.000.000 đồng (năm 2014: 1.600.000.000 đồng) và mức chia cổ tức bằng tiền cho lợi nhuận chưa phân phối của năm 2014 là 500 đồng trên 1 cổ phiếu tương đương 4.639.630.500 đồng. Công ty mẹ đã thực hiện việc chi trả cổ tức này trong năm 2015.

**Cổ phần**



**Vốn cổ phần**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn cổ phần của Công ty mẹ là 92.792.610.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 92.792.610.000 đồng). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn cổ phần đã được cổ đông góp đủ như sau:



1. **LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT**

Tỷ lệ lợi ích của cổ đông không kiểm soát được xác định như sau:

**Error! Not a valid link.**

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần tại ngày 31 tháng 12 năm 2015:



Lợi ích của cổ đông không kiểm soát từ kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015:



Thay đổi của lợi ích cổ đông không kiểm soát trong năm như sau:



1. **BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Nhằm phục vụ cho mục đích quản lý, Tổng Công ty phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

*Đơn vị tính: Triệu đồng*



*Đơn vị: triệu đồng*



Các thông tin khác

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

****

*Đơn vị: triệu đồng*

****

Bên cạnh những thông tin về hoạt động kinh doanh của các bộ phận dựa trên cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty, những thông tin dưới đây còn trình bày theo khu vực địa lý.

*Đơn vị: triệu đồng*



1. **DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ**

****

1. **GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP**

****

1. **CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

****

1. **DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

****

1. **CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

****

1. **LỢI NHUẬN KHÁC**

****

1. **CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

****

Công ty mẹ và các Công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất phổ thông 20% và 22% trên thu nhập chịu thuế (năm 2014: 20% và 22%).

1. **LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

****

1. **CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

****

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:



1. **CAM KẾT CHI TIÊU VỐN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty chưa hoàn tất giao dịch sau đây:

* Công ty mẹ ký hợp đồng số 1359/1115/48.4 ngày 14 tháng 10 năm 2015 cam kết mua phương tiện vận tải với Công ty Cổ phần Phú Tài - Xí nghiệp Toyota Đà Nẵng với giá trị là 16.261.400.000 đồng.
* Trong tháng 6 năm 2015, Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình ký hợp đồng cam kết mua 10 chiếc xe ô tô với Công ty TNN MTV PP Ô Tô DL Chu Lai Trường Hải với tổng giá trị là 3.009.090.909 đồng.

1. **CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 24 và 25 trừ đi tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn cổ phần, thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và lợi ích cổ đông không kiểm soát).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:



**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**



Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường gồm rủi ro lãi suất, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

***Rủi ro thị trường***

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Tổng Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Tổng Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty.

*Độ nhạy của lãi suất*



***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tổng Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bổ ở các khu vực địa lý khác nhau.

***Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.





Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng với sự cam kết tái cấu trúc, cũng như nguồn tiền từ hoạt động taxi hàng ngày và từ các khoản vay, Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

1. **NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan:

| **Bên liên quan** | **Mối quan hệ** |
| --- | --- |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh (MLG) | Chủ sở hữu |
| Công ty TNHH MTV Mai Linh Đà Lạt | Công ty thành viên trong MLG |
| Công ty TNHH MTV Mai Linh Đăk Lắk | Công ty thành viên trong MLG |
| Công ty TNHH Mai Linh Đông Nam Bộ | Công ty thành viên trong MLG |
| Công ty TNHH Dệt May Hạnh Linh | Công ty thành viên trong MLG |
| Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Nam | Công ty thành viên trong MLG |
| Công ty TNHH Vận Chuyển Hàng Hóa Mai Linh | Công ty thành viên trong MLG |
| Công ty TNHH Nước Khoáng Mai Linh | Công ty thành viên trong MLG |
| Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên | Công ty thành viên trong MLG |
| Công ty TNHH MTV Mai Linh Đăk Nông | Công ty thành viên trong MLG |
| Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc | Công ty thành viên trong MLG |
| Công ty TNHH MTV Mai Linh Phan Rang | Công ty thành viên trong MLG |
| Công ty Cổ phần Mai Linh Đông Đô | Công ty thành viên trong MLG |
| Công ty TNHH MTV Sao Mai Ninh Thuận | Công ty thành viên trong MLG |
| Chi nhánh Công ty TNHH Dịch Vụ Bảo Vệ An Ninh | Công ty liên quan |
| Công ty Cổ phần TMDV Thiết kế và In bao bì Năng Động | Công ty liên quan |
| Công ty Cổ phần Vận tải Hành khách Mai Linh | Công ty liên quan |
| Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Lữ hành Mai Linh | Công ty liên quan |
| Công ty Cổ phần Năng Lượng Mai Linh | Công ty liên quan |
| Công ty TNHH Du Lịch Mai Linh | Công ty liên quan |
| Công ty Cổ phần Vận tải Tốc hành Mai Linh | Công ty liên quan |
| Công ty Cổ phần Truyền thông Việt Linh | Công ty liên quan |
| Chi nhánh Trung Tâm xe cho thuê Mai Linh | Công ty liên quan |
| Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Mai Linh | Công ty liên quan |
| Trung tâm Dịch vụ Viễn thông Mai Linh | Công ty liên quan |
| Công ty TNHH MTV Đầu tư Hồ Huy | Công ty liên quan |
| Công ty Cổ phần Việt Đăng Khoa Đà Nẵng | Công ty liên quan |
| Doanh nhiệp Tư nhân Tân Bình | Công ty liên quan |
| Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Sao Mai | Công ty liên quan |
| Công ty Cổ phần Mai Linh Đông Đô | Công ty liên quan |

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:









Thu nhập Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:



Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:









1. **SỐ LIỆU SO SÁNH**

Một số số liệu của bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay, cụ thể như sau:



|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Dương Trung Tình**  **Người lập biểu** |  | **Đoàn Triệu Chu Luân**  **Kế toán trưởng** |  | **Võ Thành Nhân**  **Tổng Giám đốc**  *Ngày 30 tháng 3 năm 2016* |